

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thanh Nhân.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Lệ;

2. Ông Nguyễn Đắc Thắng;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thanh Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Mai Thị Đào Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48 /2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Mai Ngọc L**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số F Deliah Road L, Egg H, N, Hoa Kỳ.

2. Bị đơn: Ông **Lê Công Q**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số D Khu phố A, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Mai Ngọc LiLy trình bày:**

Bà và ông Lê Công Q cưới nhau năm 2019, có đăng ký kết hôn. Bà định cư ở Mỹ, ông Q sống ở Việt Nam. Từ khi kết hôn, vợ chồng chỉ gặp nhau một vài lần mỗi khi bà về Việt Nam thăm gia đình và ông Q. Đến năm 2024 thì vợ chồng bất đồng ý kiến, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống cách xa nhau, khi bà về Việt Nam thì ông Q không quan tâm, không sống chung và lạnh nhạt với bà, mỗi khi bà gọi điện thì ông Q không nghe máy, vợ chồng không liên lạc với nhau được. Nhận thấy, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn

trầm trọng, không còn tình cảm nên bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Bà yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Lê Công Q.
- Về con chung không có; Tài sản chung và nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Công Q đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ hai lần nhưng ông Q vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu kèm theo), Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung thêm.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Mai Ngọc L: Cho bà Mai Ngọc L và ông Lê Công Q ly hôn; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228, 238 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Xét bà Mai Ngọc L là nguyên đơn trong vụ án là người Việt Nam hiện đang định cư ở nước ngoài. Căn cứ Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Mai Ngọc L yêu cầu ly hôn với ông Lê Công Q. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Xét thấy bà Mai Ngọc L và ông Lê Công Q, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét lời khai bà Mai Ngọc L về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn. Tòa án đã thông báo cho

ông Lê Công Q được biết nhưng ông Q có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét tình trạng hôn nhân: bà Mai Ngoc L cho rằng vợ chồng sống không hạnh phúc, vợ chồng sống xa nhau, mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được. Cả hai cũng không còn tình cảm vợ chồng và đã cắt đứt quan hệ hơn 02 năm. Tòa án tổ chức hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng bà Mai Ngoc L và ông Q đều vắng mặt, không tham gia hòa giải, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa bà Mai Ngoc L và ông Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Mai N LiLy.

[2.2] Về con chung: Bà Mai Ngoc L và ông Lê Công Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Mai Ngoc L phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên, HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 92, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Mai Ngoc L.

- **Về hôn nhân:** Cho bà Mai Ngoc L ly hôn với ông Lê Công Q.
- **Về nuôi con chung:** không xem xét.
- **Tài sản chung:** không xem xét.
- **Về nợ chung:** Không xem xét.
- **Về án phí:** Bà Mai Ngoc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Mai Ngoc L đã nộp theo biên lai thu số 0000414 ngày 10/10/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.
- **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND.Cấp cao TP.HCM
- VKSND.TTG
- Cục THADS.TTG.
- Các Đ/S.
- Lưu

Nguyễn Thanh Nhàn